

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

BỘT CHIÊN GIÒN VEDAN

TCCS 15/VDN/2019

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Điện thoại: 0251.3825111 **Fax:** 0251.3825138

Email: d1-hha@vedaninternational.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 15/VDN/2019

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu Hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: d1-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Bột chiên giòn Vedan.

2. Thành phần: bột mì, tinh bột bắp, muối I-ốt, đường, bột nở đã pha chế (chất điều chỉnh độ axit (450 (i)), chất tạo xốp (500 (ii)), chất chống oxy hóa (341 (i))).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

a) **Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):** 1 kg.

b) **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đóng gói trong bao bì nhựa đa lớp PET12/MPET12/LLDPE, chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm là nhựa LLDPE.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

- Nhà sản xuất:

Công ty TNHH Nitto-Fuji International Việt Nam.

Địa chỉ: Số 49 VSIP, đường số 8, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- Sản phẩm của:

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam.

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ Phần Hữu Hạn Vedan Việt Nam kinh doanh sản phẩm Bột chiên giòn Vedan đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Thông tư 50/2016/TT-BYT Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.
- Văn bản hợp nhất 02/VBHN-BYT – Hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 12 tháng 04 năm 2019

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



[Signature]
NI CHIH HAO

295mm

7

Bột chiên giòn



Đội tuyển bóng đá Việt Nam đã sẵn sàng và được hưởng chế độ đãi ngộ cao.



Monthly power cost: \$100

Hạt tre, vụn bột tre, mùn) - ít đường, bổn từ đã pha với bột để dễ tiêu
Đã acid (pH 3,5), thời hạn sử dụng (200) h, chế thành sữa hòa (1/1) (11)

[Hauptstadt](#) [Land](#) [Regionen](#)

Đặc quyền được KODAK, Thương hiệu và/hoặc ảnh hưởng trực tiếp của nó là:

2015-2016

Sau phần cơ thể bị hư hại có hệ thống, sự sống của anh lại bắt đầu hồi sinh.

Monday, 10/11/2011 10:00 AM

Số tiền năm kế hoạch dùng để chi trả tiền lương một, ba lần vượt so với trước đây. Mức tăng hàng loạt.

vi. Từ 100 g đến 200 g: 100-200 ml nước, uống 1 lần.

Điểm trên cùng trong chuỗi đang tìm kiếm đã được lưu lại

Facebook Twitter LinkedIn YouTube



CÔNG TY TNHH NITTO-FUL INTERNATIONAL VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 47 VSP Đường 22/03, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore,
phường Bình An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM,
Địa chỉ: Quốc lộ 19, xã Phú Mỹ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng
Nai, Việt Nam.
Website: www.vedan.vn.vn

Free National 9000 509 603

Giá trị dinh dưỡng (có trong 100 g nôi)	
Năng lượng (kcal)	36
Protein (g)	10,1
Carbohydrate (g)	73,3
Chất béo (g)	9,09

Not yet finished

- Trẻ người họ này hoặc thì khi tắm bắt họ đi tắm.
- Chấm dứt sự xâm phạm an ninh đều và trật tự.
- Chăm sóc nước, đất hoặc tương tự.

TTC: 15740W/204W



MSK

4150

VEDAN

Bột chiên giòn

Đa dụng
Giòn giòn ngon ngon



1 kg



YIH HAO

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu

743-2019-00003039

Mã số kết quả

AR-19-VD-005634-01-VI / EUVNHC-00059478



Công Ty Cổ Phần Hữu Hạn VEDAN Việt Nam

Quốc Lộ 51, Ấp 1A, Xã Phước Thái

Huyện Long Thành

Đồng Nai

Việt Nam

Tên mẫu:

Bột chiên giòn Vedan

Tình trạng mẫu:

Mẫu đựng trong túi nhựa

Ngày nhận mẫu:

14/01/2019

Thời gian thử nghiệm:

14/01/2019 - 21/01/2019

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng:

24/01/2019

Mã số PO của khách hàng:

I2N2190114260

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	$3,3 \times 10^3$
2	VD334 VD (a) Clostridium perfringens	cfu/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/g	TCVN 8848:2007 (ISO 4832:2007)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD353 VD (a)(f) Escherichia coli	cfu/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD373 VD (a) Staphylococcus aureus	cfu/g	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:2003)	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD398 VD Bacillus cereus	cfu/g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc	cfu/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	$8,0 \times 10^1$
8	VD129 VD Carbohydrates	%	AOAC 986.25 mod.	73,5
9	VD165 VD (a)(f) Béo	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-050) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	1,33
10	VD263 VD (a)(f) Protein	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-047) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	10,1
11	VD543 VD Năng lượng	kcal/100 g	FAO 2013 77	346
12	VD210 VD (a)(f) Độ ẩm	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-048)	11,1
13	VD269 VD Muối (NaCl)	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-096) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	2,93

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
14	VD297 VD (a)(f) Tro tổng	%	Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-049) (Ref. FAO Food 14/7-1986)	4,00
15	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/100g	AOAC 969.23	1350
16	VD855 VD (a) Cadmi (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	Phát hiện vết ($<0,02$)
17	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.02)
18	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
19	VD063 VD Ochratoxin A	µg/kg	AOAC 2000.09	Không phát hiện (LOD=1)
20	VD066 VD Zearalenon	µg/kg	Anal. Chem. Acta (2013) 787 87-92	Không phát hiện (LOD=10)
21	VD069 VD Deoxynivalenol	µg/kg	AOAC 986.18	Không phát hiện (LOD=100)
22	VD633 VD Fumonisin tổng	µg/kg	AOAC 2001.04 mod	Không phát hiện (LOD=20)
23	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)
24	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)
25	VD0L3 VD (a) Malathion	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
26	VD0SZ VD (a) Carbaryl	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
27	VD0TP VD (a) Methomyl	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
28	VD0TW VD (a) Phorate	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
29	VD0UV VD (a) Propargite	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
30	VD0W5 VD (a) Imidacloprid	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
31	VD630 VD Màu sắc		Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-200)	Màu vàng nhạt
32	VD630 VD Mùi		Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-200)	Mùi đặc trưng của sản phẩm
33	VD630 VD Trạng thái		Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-200)	Dạng bột mịn, khô không vón cục
34	VD630 VD Vị		Phương pháp nội bộ (EHC-TP2-200)	Vị đặc trưng của sản phẩm

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
35	VD1HY VD Chloromequat	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
36	VD10M VD (a) Chlorpyrifos (-ethyl)	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
37	VD1HU VD Diquat	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
38	VD1H VD W Paraquat	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)
39	VD1C5 VD Penthiopyrad	mg/kg	BS EN 15662:2017 mod.	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Phương Phi
Giám Đốc Sản Xuất



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Phương Phi 28/01/2019

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Trong trường hợp cần cung cấp một kết luận về tính phù hợp hay không phù hợp của kết quả, độ không đảm bảo đo của kết quả sẽ được cộng thêm hoặc trừ bớt để cho kết quả phân tích có thể được so sánh với các giới hạn quy định hoặc chuẩn mực. Việc này sẽ không áp dụng cho các quy chuẩn có sẵn độ không đảm bảo đo của riêng chúng. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. Các phương pháp phân tích được xác định bởi 2 ký tự VD được thực hiện tại phòng thí nghiệm CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2005 VILAS 238. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo VFA-Chỉ Định An Toàn Thực Phẩm